# NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

| NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 11/2012/TT-NHNN | *Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2012* |

## THÔNG TƯ
## Quy định quản lý và sử dụng mạng máy tính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ tin học;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về việc quản lý và sử dụng mạng máy tính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng mạng máy tính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là mạng Ngân hàng Nhà nước).

2. Thông tư này áp dụng đối với các cá nhân, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước); các tổ chức bên ngoài và bên thứ ba được phép sử dụng mạng Ngân hàng Nhà nước.

### Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Người sử dụng* là cá nhân, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và tổ chức bên ngoài được phép sử dụng mạng Ngân hàng Nhà nước.

2. *Trung tâm dữ liệu* là trung tâm dữ liệu của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm Trung tâm dữ liệu chính tại Cục Công nghệ tin học và Trung tâm dữ liệu dự phòng tại Sơn Tây.

3. *Trung tâm kết nối khu vực* là nơi đặt các trang thiết bị công nghệ thông tin làm nhiệm vụ trung gian kết nối giữa Trung tâm dữ liệu và các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trung tâm kết nối khu vực được đặt tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh và Cần Thơ.

4. *Mạng cục bộ Ngân hàng Nhà nước* là hệ thống mạng kết nối các thiết bị đầu cuối trong phạm vi một khu vực địa lý thuộc Ngân hàng Nhà nước.

5. *Hạ tầng truyền dẫn mạng cục bộ* là hệ thống cáp truyền dẫn nội bộ và ổ kết nối mạng.

6. *Trang thiết bị mạng gồm* thiết bị chuyển mạch, thiết bị định tuyến, thiết bị an ninh bảo mật, các phần mềm hệ thống và quản trị mạng.

7. *Mạng không dây* là hệ thống mạng kết nối các thiết bị đầu cuối thông qua sóng radio hoặc sóng cực ngắn.

8. *Mạng diện rộng Ngân hàng Nhà nước* là hệ thống mạng kết nối giữa Trung tâm dữ liệu, Trung tâm kết nối khu vực và các mạng cục bộ Ngân hàng Nhà nước.

9. *Hạ tầng truyền dẫn mạng diện rộng* là hệ thống đường truyền chuyên dùng của Ngân hàng Nhà nước và các kênh truyền dẫn Ngân hàng Nhà nước thuê của các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông.

10. *Lớp mạng lõi* là lớp mạng hạt nhân của hệ thống mạng có nhiệm vụ kết nối giữa các lớp mạng với nhau.

11. *Lớp mạng phân phối* đóng vai trò như một giao diện giữa các lớp mạng truy nhập và lớp mạng lõi.

12. *Lớp mạng truy nhập* là lớp mạng phục vụ kết nối người sử dụng với các hệ thống.

13. *Địa chỉ IP* là một địa chỉ duy nhất được gán cho các thiết bị kết nối mạng sử dụng để nhận diện và liên lạc qua giao thức Internet.

14. *Dịch vụ điện thoại IP* là công nghệ truyền âm thanh qua mạng thông tin sử dụng bộ giao thức TCP/IP.

15. *Dịch vụ hội nghị truyền hình* là công nghệ truyền hình ảnh, âm thanh qua mạng thông tin sử dụng bộ giao thức TCP/IP.

16. *Tên định danh* là tên duy nhất gán cho các thiết bị đầu cuối kết nối mạng.

17. *Cán bộ kỹ thuật* là người được đào tạo về chuyên môn công nghệ thông tin làm việc tại các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.

18. *Đơn vị quản lý tài sản* là đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước được Thống đốc giao nhiệm vụ quản lý tài sản.

19. *Đơn vị sử dụng tài sản* là đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước được Thống đốc giao quyền sử dụng tài sản.

20. *Bên thứ ba được phép sử dụng mạng Ngân hàng nhà nước* (sau đây gọi là bên thứ ba) là các tổ chức, cá nhân có chuyên môn được Ngân hàng Nhà nước thuê hoặc hợp tác nhằm cung cấp hàng hóa, dịch vụ kỹ thuật cho hệ thống công nghệ thông tin.

21. *Các tổ chức bên ngoài Ngân hàng Nhà nước* (sau đây gọi là Các tổ chức bên ngoài) bao gồm: các tổ chức tín dụng và các tổ chức khác không phải là bên thứ ba được phép sử dụng mạng Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 3. Kiến trúc mạng Ngân hàng Nhà nước**

1. Mạng Ngân hàng Nhà nước bao gồm mạng cục bộ Ngân hàng Nhà nước và mạng diện rộng Ngân hàng Nhà nước.

2. Kiến trúc logic mạng Ngân hàng Nhà nước:

a) Kiến trúc mạng cục bộ Ngân hàng Nhà nước bao gồm các lớp chính sau: lớp mạng lõi, lớp mạng phân phối, lớp mạng truy nhập;

b) Kiến trúc mạng diện rộng Ngân hàng Nhà nước bao gồm các kết nối mạng giữa Trung tâm dữ liệu và các Trung tâm kết nối khu vực; Các kết nối giữa Trung tâm kết nối khu vực và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cổng giao tiếp kết nối giữa Ngân hàng Nhà nước với các tổ chức bên ngoài.

3. Kiến trúc vật lý mạng Ngân hàng Nhà nước bao gồm: trang thiết bị mạng, hạ tầng truyền dẫn mạng cục bộ và hạ tầng truyền dẫn mạng diện rộng.

**Điều 4. Nguyên tắc về xây dựng, quản lý và sử dụng mạng Ngân hàng Nhà nước**

1. Mạng Ngân hàng Nhà nước phải được thiết kế, xây dựng có tính sẵn sàng cao, bảo đảm an toàn, bảo mật và đáp ứng nhu cầu hoạt động, nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước.

2. Mạng Ngân hàng Nhà nước được quản lý tập trung thống nhất tại Cục Công nghệ tin học và có sự phân công, phân cấp cho các đơn vị quản lý tài sản.

3. Người sử dụng chỉ được sử dụng mạng Ngân hàng Nhà nước và mạng Internet phục vụ cho các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Việc sử dụng và chia sẻ thông tin trên mạng Ngân hàng Nhà nước phải tuân thủ các quy định về an toàn bảo mật thông tin của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật.

5. Người sử dụng không tuân thủ các quy định tại Điều 24 Thông tư này sẽ bị tạm ngừng cung cấp dịch vụ.

**Điều 5. Tài nguyên và dịch vụ mạng Ngân hàng Nhà nước**

1. Tài nguyên mạng gồm:

a) Hạ tầng truyền dẫn, các trang thiết bị mạng, phần mềm quản trị mạng và cấu hình hệ thống mạng;

b) Hệ thống địa chỉ IP, hệ thống tên miền, tên định danh các thiết bị.

2. Các dịch vụ mạng: dịch vụ truyền dữ liệu, dịch vụ thoại, dịch vụ hội nghị truyền hình, dịch vụ giám sát, quản trị mạng và các dịch vụ gia tăng khác.

**Điều 6. Quy định về an toàn và bảo mật thông tin**

1. Mạng Ngân hàng Nhà nước phải được trang bị hệ thống kỹ thuật cho việc quản lý, kiểm soát mạng, nhằm phát hiện, ngăn chặn các truy nhập trái phép và đảm bảo an toàn dữ liệu trao đổi trên môi trường mạng.

2. Các kết nối mạng giữa các tổ chức bên ngoài với mạng Ngân hàng Nhà nước phải được kiểm soát bởi các hệ thống an ninh mạng.

3. Các máy tính kết nối, sử dụng tài nguyên và dịch vụ mạng Ngân hàng Nhà nước phải được xác thực bởi hệ thống an ninh kiểm soát truy cập mạng, cài đặt phần mềm phòng chống virus máy tính và mã độc, định kỳ cập nhật phiên bản, các bản vá lỗ hổng bảo mật tối thiểu 03 tháng/lần.

4. Các dữ liệu điện tử cấp độ "Mật" trở lên trao đổi trên mạng Ngân hàng Nhà nước phải được áp dụng các biện pháp an toàn bảo mật theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước.

## Chương II
## QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### Mục 1
### MẠNG CỤC BỘ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

**Điều 7. Quy định về lắp đặt mới, nâng cấp và sửa chữa**

1. Đối với lắp đặt mới và nâng cấp hạ tầng truyền dẫn mạng cục bộ: Các đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ thiết kế hạ tầng truyền dẫn gửi Cục Công nghệ tin học thẩm định về mặt kỹ thuật trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với lắp đặt mới và nâng cấp trang thiết bị mạng, các đơn vị quản lý tài sản khi có nhu cầu thực hiện theo trình tự sau:

a) Gửi văn bản đề nghị về Cục Công nghệ tin học;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cục Công nghệ tin học thực hiện khảo sát hiện trạng, nhu cầu sử dụng của đơn vị và lập báo cáo tổng hợp;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc tiếp theo, Cục Công nghệ tin học hoàn thành lập dự toán và kế hoạch trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt;

d) Cục Công nghệ tin học thực hiện các thủ tục trang bị sau khi được phê duyệt.

3. Sửa chữa mạng cục bộ là hoạt động sửa chữa thường xuyên nhằm đảm bảo hoạt động của mạng cục bộ và không thay đổi cấu hình kỹ thuật, thiết kế mạng cục bộ tại đơn vị. Chi phí sửa chữa thực hiện theo quy định về chi phí sửa chữa thường xuyên của Ngân hàng Nhà nước.

4. Đối với sửa chữa hạ tầng truyền dẫn mạng cục bộ:

a) Đơn vị sử dụng tài sản nhưng không phải là đơn vị quản lý tài sản khi phát sinh nhu cầu sửa chữa thì thông báo cho đơn vị quản lý tài sản;

b) Đơn vị quản lý tài sản chủ động thực hiện tổ chức sửa chữa tuân thủ theo quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Nhà nước và thông báo cho Cục Công nghệ tin học để phối hợp về kỹ thuật.

5. Đối với sửa chữa trang thiết bị mạng khi phát sinh lỗi, đơn vị quản lý tài sản thông báo cho Cục Công nghệ tin học để phối hợp xác định tình trạng thiết bị và xử lý như sau:

a) Với các thiết bị lỗi còn trong thời hạn bảo hành hoặc đã được ký hợp đồng bảo trì, Cục Công nghệ tin học đầu mối thực hiện sửa chữa và thay thế thiết bị;

b) Với các thiết bị hết thời hạn bảo hành và không có hợp đồng bảo trì, đơn vị quản lý tài sản thực hiện tổ chức sửa chữa tuân thủ theo quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Nhà nước và thông báo cho Cục Công nghệ tin học để phối hợp về kỹ thuật.

**Điều 8. Quy định về bảo trì và xử lý sự cố**

1. Quy định về bảo trì:

a) Mạng cục bộ phải được bảo trì định kỳ tối thiểu 03 tháng một lần để đảm bảo hoạt động ổn định và an toàn;

b) Việc thực hiện bảo trì không được làm gián đoạn và ảnh hưởng đến hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước;

c) Quá trình bảo trì phải được ghi nhật ký về tình trạng hoạt động trước và sau khi bảo trì;

d) Cục Công nghệ tin học xây dựng quy trình bảo trì mạng cho các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và chịu trách nhiệm bảo trì các trang thiết bị mạng;

đ) Đơn vị quản lý tài sản chịu trách nhiệm bảo trì đối với hạ tầng truyền dẫn và phối hợp với Cục Công nghệ tin học thực hiện bảo trì các trang thiết bị mạng tại đơn vị.

2. Quy định về xử lý sự cố:

a) Cục Công nghệ tin học xây dựng quy trình và hướng dẫn xử lý sự cố;

b) Khi phát sinh sự cố, cán bộ kỹ thuật tại đơn vị phải ghi nhật ký và thực hiện xử lý sự cố theo các tài liệu hướng dẫn của Cục Công nghệ tin học. Đối với các sự cố phát sinh không có trong tài liệu hoặc không xử lý được phải thông báo cho Cục Công nghệ tin học để cùng phối hợp xử lý.

**Điều 9. Quy định về quản trị và sử dụng**

1. Hoạt động lắp đặt mới, nâng cấp hoặc sửa chữa mạng cục bộ Ngân hàng Nhà nước phải đáp ứng yêu cầu về kiến trúc mạng Ngân hàng Nhà nước được quy định tại Điều 3 Thông tư này.

2. Các đơn vị quản lý tài sản phải xây dựng, cập nhật và lưu trữ tài liệu thiết kế và bản vẽ hoàn công mạng cục bộ khi lắp đặt mới, nâng cấp hoặc sửa chữa.

3. Các thiết bị đầu cuối như: máy trạm làm việc, máy in, điện thoại IP chỉ được phép kết nối vào vùng mạng cho người sử dụng.

4. Cục Công nghệ tin học quy định việc cấp phát, sử dụng thống nhất địa chỉ IP, tên định danh các trang thiết bị và kiểm soát các thiết bị kết nối vào mạng cục bộ Ngân hàng Nhà nước.

## Mục 2
## MẠNG DIỆN RỘNG NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

**Điều 10. Lắp đặt mới và cải tạo mạng diện rộng**

1. Hàng năm căn cứ vào nhu cầu sử dụng và khai thác dữ liệu trên hệ thống mạng, Cục Công nghệ tin học lập kế hoạch lắp đặt mới và cải tạo mạng diện rộng trình Thống đốc phê duyệt.

2. Sau khi được phê duyệt kế hoạch, Cục Công nghệ tin học thực hiện các thủ tục trang bị theo các quy định hiện hành.

**Điều 11. Quy định về sửa chữa mạng diện rộng**

1. Sửa chữa mạng diện rộng là các sửa chữa thường xuyên đảm bảo hệ thống mạng hoạt động liên tục, an toàn và hiệu quả.

2. Cục Công nghệ tin học là đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện việc sửa chữa các trang thiết bị mạng diện rộng Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 12. Quy định về quản trị và kiểm soát hoạt động**

Cục Công nghệ tin học chịu trách nhiệm:

1. Quản trị và kiểm soát tập trung mạng diện rộng Ngân hàng Nhà nước;

2. Xây dựng, cập nhật và lưu trữ tài liệu thiết kế và bản vẽ hoàn công mạng diện rộng khi lắp đặt mới, nâng cấp hoặc sửa chữa;

3. Ghi nhật ký hoạt động hàng ngày và lập báo cáo đánh giá tổng thể của hệ thống mạng định kỳ 03 tháng/lần.

**Điều 13. Quy định về bảo trì và xử lý sự cố**

1. Quy định về bảo trì:

a) Mạng diện rộng phải được bảo trì định kỳ tối thiểu 03 tháng một lần để đảm bảo hoạt động ổn định và an toàn;

b) Việc thực hiện bảo trì không được làm gián đoạn và ảnh hưởng đến hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước;

c) Quá trình bảo trì phải thực hiện theo đúng kịch bản, ghi nhật ký về tình trạng hoạt động trước và sau khi bảo trì;

d) Cục Công nghệ tin học xây dựng kế hoạch, phương án bảo trì và thông báo cho các đơn vị sử dụng phối hợp thực hiện;

đ) Đơn vị sử dụng có trách nhiệm phối hợp với Cục Công nghệ tin học và ghi nhận kết quả bảo trì.

2. Quy định về xử lý sự cố:

a) Cục Công nghệ tin học thực hiện xây dựng quy trình và hướng dẫn xử lý sự cố;

b) Khi phát sinh sự cố, cán bộ kỹ thuật phải ghi nhật ký và thực hiện xử lý sự cố theo quy trình và hướng dẫn của Cục Công nghệ tin học.

## Mục 3
## QUY ĐỊNH KẾT NỐI GIỮA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VÀ CÁC TỔ CHỨC BÊN NGOÀI

**Điều 14. Quy định kết nối mạng Ngân hàng Nhà nước**

1. Ngân hàng Nhà nước (Cục Công nghệ tin học) quy định và quản lý thống nhất phương thức kết nối và dải địa chỉ IP đối với các trang thiết bị đầu cuối của các tổ chức bên ngoài khi kết nối với mạng Ngân hàng Nhà nước.

2. Các tổ chức bên ngoài khi có nhu cầu kết nối mạng với Ngân hàng Nhà nước phải được sự đồng ý của Ngân hàng Nhà nước. Thủ tục kết nối mạng với Ngân hàng Nhà nước thực hiện theo Điều 16 Thông tư này.

3. Trường hợp bổ sung thiết bị, thay đổi đường truyền các tổ chức bên ngoài phải gửi công văn, tài liệu thiết kế, cấu hình và phương án thực hiện về Cục Công nghệ tin học thẩm định và phê duyệt trước khi triển khai.

**Điều 15. Điều kiện kết nối mạng Ngân hàng Nhà nước**

1. Có đủ trang thiết bị kỹ thuật để kết nối mạng và đảm bảo an toàn bảo mật thông tin trên đường truyền theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước.

2. Có đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ, khả năng quản trị các thiết bị đầu cuối kết nối, trang thiết bị mạng của tổ chức.

**Điều 16. Thủ tục kết nối mới hoặc thay đổi kết nối mạng**

1. Đối với Hội sở chính các tổ chức tín dụng, các tổ chức khác không phải là tổ chức tín dụng khi có nhu cầu kết nối mới hoặc thay đổi kết nối mạng với Ngân hàng Nhà nước phải gửi Hồ sơ đăng ký theo Mẫu số 01 đến Cục Công nghệ tin học. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Công nghệ tin học thông báo kết quả xử lý hồ sơ.

2. Đối với chi nhánh các tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân khi có nhu cầu kết nối mới hoặc thay đổi kết nối mạng với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Hồ sơ đăng ký theo Mẫu số 01 đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cùng địa bàn.

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét tính hợp lý của hồ sơ, nhu cầu kết nối và nếu chấp thuận thì gửi hồ sơ đến Cục Công nghệ tin học để phối hợp xử lý;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Công nghệ tin học xem xét và thông báo kết quả xử lý hồ sơ về Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả của Cục Công nghệ tin học, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo kết quả xử lý hồ sơ cho đơn vị đăng ký.

3. Đối với bên thứ ba khi có nhu cầu kết nối mạng Ngân hàng Nhà nước phải gửi Hồ sơ đăng ký theo Mẫu số 03 đến Cục Công nghệ tin học. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Công nghệ tin học thông báo kết quả xử lý hồ sơ.

4. Hồ sơ đăng ký kết nối mạng được gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở Ngân hàng Nhà nước như quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Trong thời hạn 30 làm việc tiếp theo kể từ khi nhận được thông báo chấp thuận kết nối từ Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức bên ngoài chủ động thực hiện các thủ tục và xử lý kỹ thuật để hoàn thành việc kết nối mạng với Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 17. Thủ tục hủy kết nối mạng**

1. Đối với Hội sở chính các tổ chức tín dụng, các tổ chức không phải là tổ chức tín dụng khi không còn nhu cầu kết nối mạng với Ngân hàng Nhà nước phải gửi Hồ sơ hủy kết nối mạng theo Mẫu số 02 đến Cục Công nghệ tin học. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Công nghệ tin học thông báo kết quả xử lý hồ sơ.

2. Đối với chi nhánh các tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân khi không còn nhu cầu kết nối mạng với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải gửi Hồ sơ hủy kết nối mạng theo Mẫu số 02 đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn.

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi hồ sơ đến Cục Công nghệ tin học để phối hợp xử lý;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Công nghệ tin học thực hiện thủ tục hủy kết nối mạng và thông báo kết quả xử lý hồ sơ về Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả của Cục Công nghệ tin học, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo kết quả xử lý hồ sơ cho đơn vị.

3. Đối với bên thứ ba khi không có nhu cầu kết nối mạng phải thông báo với Cục công nghệ tin học để hủy kết nối. Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Công nghệ tin học thực hiện thủ tục hủy kết nối mạng và thông báo kết quả xử lý hồ sơ.

4. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ kết nối mạng được gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở Ngân hàng Nhà nước như quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này.

## Mục 4
## KẾT NỐI INTERNET

**Điều 18. Quản lý kết nối Internet**

1. Các máy tính thuộc mạng cục bộ Ngân hàng Nhà nước kết nối mạng Internet phải thông qua các cổng kết nối do Cục Công nghệ tin học thiết lập và quản lý.

2. Các máy tính không thuộc mạng cục bộ Ngân hàng Nhà nước kết nối mạng Internet do thủ trưởng đơn vị sử dụng tài sản quyết định và phải tuân thủ các quy định về an toàn bảo mật thông tin của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật.

3. Trường hợp các đơn vị có máy tính thuộc mạng cục bộ Ngân hàng Nhà nước có nhu cầu kết nối trực tiếp Internet không qua cổng kết nối do Cục Công nghệ tin học thiết lập và quản lý phải được sự cho phép của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đơn vị phải có giải pháp bảo vệ và chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn mạng Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 19. Điều kiện kết nối Internet**

1. Các thiết bị đầu cuối kết nối Internet phải cài đặt các phần mềm phòng chống vi rút máy tính, phần mềm an ninh.

2. Người sử dụng kết nối qua cổng Internet do Cục Công nghệ tin học quản lý phải sử dụng tài khoản truy nhập do Cục Công nghệ tin học cấp.

**Điều 20. Quy định về giám sát và kiểm soát kết nối Internet**

1. Giữa mạng Ngân hàng Nhà nước và Internet phải có hệ thống an ninh mạng đảm bảo an toàn bảo mật cho mạng Ngân hàng Nhà nước. Nghiêm cấm việc sử dụng các thiết bị kết nối Internet để kết nối trực tiếp vào mạng Ngân hàng Nhà nước.

2. Cục Công nghệ tin học chịu trách nhiệm quản lý, kiểm soát các thiết bị thuộc mạng Ngân hàng Nhà nước kết nối ra mạng Internet.

3. Cục Công nghệ tin học quản lý và cấp phát tài khoản truy nhập mạng Internet của người sử dụng. Trong trường hợp cần thiết, để đảm bảo an toàn cho hệ thống mạng Ngân hàng Nhà nước, Cục Công nghệ tin học có quyền chủ động tạm ngừng hoặc thu hồi tài khoản truy nhập mạng Internet.

**Điều 21. Quy định về kết nối mạng không dây, thiết bị di động**

1. Cục Công nghệ tin học quản lý hoạt động của các thiết bị mạng cung cấp dịch vụ kết nối không dây và kiểm soát thiết bị truy nhập mạng không dây đến mạng Ngân hàng Nhà nước.

2. Khi có nhu cầu kết nối mạng không dây của Ngân hàng Nhà nước, người sử dụng phải đăng ký theo Mẫu số 04.

3. Khi hết thời gian đăng ký kết nối mạng không dây, hệ thống sẽ tự động ngừng cung cấp dịch vụ.

## Mục 5
## TRÁCH NHIỆM TRONG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG MẠNG NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

**Điều 22. Trách nhiệm của Cục Công nghệ tin học**

1. Chịu trách nhiệm quản lý kỹ thuật hệ thống mạng Ngân hàng Nhà nước.

2. Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng Ngân hàng Nhà nước và tổ chức triển khai sau khi được phê duyệt.

3. Quản lý việc cấp phát và sử dụng tài nguyên mạng Ngân hàng Nhà nước trong phạm vi phân cấp quản lý.

4. Theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống mạng Ngân hàng Nhà nước đảm bảo hoạt động liên tục, ổn định và an toàn.

5. Cảnh báo và hướng dẫn các đơn vị Ngân hàng Nhà nước các lỗ hổng bảo mật và các nguy cơ rủi ro đến hoạt động của mạng Ngân hàng Nhà nước.

6. Thông báo cho đơn vị quản lý tài sản trước 03 ngày làm việc khi tạm ngừng cung cấp dịch vụ mạng để sửa chữa, nâng cấp hoặc bảo trì.

7. Hướng dẫn, tiếp nhận và xử lý các hồ sơ đăng ký kết nối mới, thay đổi kết nối và hủy bỏ kết nối mạng đối với hội sở chính các tổ chức tín dụng (trừ quỹ tín dụng nhân dân), các tổ chức khác không phải là tổ chức tín dụng, bên thứ ba.

8. Tổ chức kiểm tra kết nối mạng của các tổ chức bên ngoài, bên thứ ba với mạng Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 23. Trách nhiệm của đơn vị quản lý tài sản**

1. Tổ chức hướng dẫn và kiểm tra việc sử dụng mạng cục bộ tại đơn vị.

2. Hướng dẫn, tiếp nhận và xử lý các hồ sơ đăng ký kết nối mới, thay đổi kết nối và hủy bỏ kết nối mạng đối với quỹ tín dụng nhân dân, chi nhánh các tổ chức tín dụng trên địa bàn.

3. Tổ chức kiểm tra kết nối mạng của các tổ chức bên ngoài với mạng Ngân hàng Nhà nước thông qua cổng kết nối tại đơn vị.

4. Phối hợp với Cục Công nghệ tin học trong công tác quản lý kết nối mạng của các tổ chức bên ngoài trên địa bàn.

5. Phân công cán bộ kỹ thuật quản lý các trang thiết bị mạng và phối hợp xử lý các sự cố phát sinh tại đơn vị.

6. Đảm bảo các điều kiện cần thiết cho các trang thiết bị mạng tại đơn vị hoạt động an toàn và ổn định.

**Điều 24. Trách nhiệm của người sử dụng**

1. Sử dụng tài nguyên, khai thác thông tin trên mạng Ngân hàng Nhà nước và mạng Internet trong phạm vi cho phép và chịu sự giám sát, kiểm soát của Cục Công nghệ tin học.

2. Tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật về an toàn bảo mật thông tin, quản lý vận hành và sử dụng mạng Ngân hàng Nhà nước.

3. Tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật về việc kết nối, sử dụng, khai thác Internet.

4. Nghiêm cấm sử dụng các công cụ, phần mềm làm tổn hại đến hoạt động của hệ thống mạng Ngân hàng Nhà nước.

5. Trường hợp phát sinh sự cố, thông báo cho cán bộ kỹ thuật tại đơn vị quản lý tài sản để được hướng dẫn và hỗ trợ khắc phục.

6. Phối hợp với bộ phận kỹ thuật trong việc xử lý và xác nhận kết quả xử lý sự cố.

**Điều 25. Trách nhiệm của tổ chức bên ngoài và bên thứ ba**

1. Tuân thủ các quy định về kết nối mạng Ngân hàng Nhà nước.

2. Đảm bảo an toàn bảo mật đối với các thiết bị đầu cuối, thiết bị mạng và đường truyền kết nối với mạng Ngân hàng Nhà nước.

3. Lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ đường truyền, băng thông, chi trả các chi phí kết nối lắp đặt, chi phí thuê bao và chi phí sửa chữa bảo trì đường truyền tới Ngân hàng Nhà nước.

## Chương III
## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 26. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 6 năm 2012.

2. Thông tư này thay thế Quyết định số 39/2006/QĐ-NHNN ngày 08/8/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy chế quản lý và sử dụng mạng máy tính nội bộ của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 27. Điều khoản thi hành**

1. Cục Công nghệ tin học có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát và kiểm tra việc thi hành Thông tư này.

2. Vụ Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm kiểm toán nội bộ việc thi hành Thông tư này đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.

3. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm phối hợp với Cục Công nghệ tin học kiểm tra việc thi hành Thông tư này đối với các tổ chức bên ngoài tham gia kết nối, khai thác mạng Ngân hàng Nhà nước.

4. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức bên ngoài có kết nối với mạng Ngân hàng Nhà nước, bên thứ ba trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. THỐNG ĐỐC**
**PHÓ THỐNG ĐỐC**

**Nguyễn Toàn Thắng**

**Phụ lục I**
**VỀ MẪU THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**
*(Kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Ngân hàng Nhà nước)*

Mẫu 1 - Đề nghị kết nối mới, thay đổi kết nối mạng với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mẫu 2 - Đề nghị hủy bỏ kết nối mạng với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mẫu 3 - Đề nghị kết nối mạng với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mẫu 4 - Đề nghị kết nối mạng không dây

**Mẫu số 01**

Tên đơn vị: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày... tháng... năm...*

**ĐỀ NGHỊ KẾT NỐI MỚI, THAY ĐỔI KẾT NỐI MẠNG VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Kính gửi: (1)

**A. Thông tin chung**

Mã đơn vị(2): Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Đầu mối liên hệ (Tên cán bộ, địa chỉ email, số điện thoại):

**B. Phần đề nghị**

Chúng tôi đã nghiên cứu và đồng ý các quy định về kết nối mạng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được quy định tại Thông tư ___/2012/TT-NHNN, Chúng tôi đề nghị được [*kết nối mới | thay đổi kết nối mạng*] với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với các thông tin chi tiết như sau:

1. Địa chỉ điểm kết nối (TCTD):
2. Loại hình:*[Hội sở chính/Chi nhánh]*
3. Kết nối chính thức:
   a. Phương thức kết nối: *[Metronet|Leased-line|MegaWan| Khác]*
   b. Băng thông kết nối:_____(Kbps/Mbps)
   c. Nhà cung cấp dịch vụ: *[VNPT|FTP Telecom| Viettel|Khác]*
4. Kết nối dự phòng:
   a. Phương thức kết nối: *[Metronet|Leased-line|MegaWan| Khác]*
   b. Băng thông kết nối:_____(Kbps/Mbps)
   c. Nhà cung cấp dịch vụ: *[VNPT|FTP Telecom| Viettel|Khác]*
5. Thời điểm kết nối (dự kiến):
6. Mục đích sử dụng:*[Thanh toán| Báo cáo| Khác]*

***Chú thích:***

*- (1): Theo điều 16, Thông tư số 11/2012/TT-NHNN*

*- (2) Theo Quyết định số 23/2007/QĐ-NHNN ngày 05/6/2007 của Thống đốc NHNN.*

**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, đóng dấu)

**Mẫu số 02**

Tên đơn vị: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày... tháng.... năm....*

**ĐỀ NGHỊ HỦY BỎ KẾT NỐI MẠNG VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Kính gửi: (1):

**A. Thông tin chung**

Mã đơn vị(2): Tên đơn vị:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax:
Đầu mối liên hệ (Tên cán bộ, địa chỉ email, số điện thoại):

**B. Phần đề nghị**

Chúng tôi đã nghiên cứu và đồng ý các quy định về hủy bỏ kết nối mạng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được quy định tại Thông tư ___/2012/TT-NHNN, Chúng tôi đề nghị được hủy bỏ kết nối mạng với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với các thông tin chi tiết như sau:

1. Địa chỉ điểm kết nối (TCTD):
2. Loại hình: *[Hội sở chính/Chi nhánh]*
3. Kết nối chính thức:
   a. Phương thức kết nối: *[Metronet|Leased-line|MegaWan|Khác]*
   b. Băng thông kết nối:_____(Kbps/Mbps)
   c. Nhà cung cấp dịch vụ: *[VNPT|FTP Telecom|Viettel|Khác]*
4. Kết nối dự phòng:
   a. Phương thức kết nối: *[Metronet|Leased-line|MegaWan|Khác]*
   b. Băng thông kết nối:_____(Kbps/Mbps)
   c. Nhà cung cấp dịch vụ: *[VNPT|FTP Telecom| Viettel|Khác]*
5. Lý do hủy kết nối:
6. Thời gian đề nghị hủy kết nối (dự kiến):

***Chú thích:***

*- (1): Theo điều 17, Thông tư số 11/2012/TT-NHNN*
*- (2) Theo Quyết định số 23/2007/QĐ-NHNN ngày 05/6/2007 của Thống đốc NHNN.*

**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, đóng dấu)

**Mẫu số 03**

Tên đơn vị:
Số:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày... tháng... năm...*

**ĐỀ NGHỊ KẾT NỐI MẠNG VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Kính gửi: Cục Công nghệ tin học - NHNN

**A. Thông tin chung**

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Đầu mối liên hệ (Tên cán bộ, địa chỉ email, số điện thoại):

**B. Phần đề nghị**

Chúng tôi đề nghị được kết nối mạng với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với các thông tin chi tiết như sau:

1. Phương thức kết nối: *[LAN|Internet]*

2. Mục đích kết nối: *(ghi rõ mục đích của việc kết nối mạng với NHNN)*

3. Điểm kết nối: *(ghi rõ và đầy đủ hệ thống CNTT/hệ thống nghiệp vụ đích tại NHNN cần kết nối tới)*

4. Thời gian kết nối:

- Từ: __h__ ngày __/__/____
- Đến: __h__ ngày __/__/____

5. Các yêu cầu kỹ thuật cụ thể:

- *Danh sách địa chỉ IP máy chủ, các cổng (port) cần mở.*
- *Các yêu cầu kỹ thuật khác (nếu có).*

Chúng tôi cam kết tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc kết nối an toàn và sử dụng kết nối mạng đúng mục đích.

**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, đóng dấu)

**Mẫu số 04**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày.... tháng... năm....*

**ĐỀ NGHỊ KẾT NỐI MẠNG KHÔNG DÂY**

Kính gửi:

**A. Thông tin chung**

Họ và tên:

Chứng minh thư/Hộ chiếu số: Ngày cấp: __/__/___Nơi cấp:_____

Đơn vị công tác:

Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ email:
- Số điện thoại:

**B. Phần đề nghị**

Tôi đề nghị được kết nối và sử dụng dịch vụ mạng không dây của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với các thông tin chi tiết như sau:

1. Mục đích sử dụng:
2. Thời gian kết nối:
   - Từ: __h__ ngày __/__/____
   - Đến: __h__ ngày __/__/____

Tôi cam kết tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc kết nối mạng an toàn và sử dụng đúng mục đích.

**Người đề nghị**
*(Ký và ghi rõ họ tên)*